

ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

NGUYỄN ĐỨC GIANG*

Giám sát của Quốc hội đối với việc thực hiện chính sách dân tộc là một nội dung quan trọng trong kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách công. Với đặc thù đa mục tiêu, liên ngành, liên vùng, phạm vi tác động rộng và liên quan trực tiếp đến đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, hoạt động giám sát trong lĩnh vực này đòi hỏi cách tiếp cận phù hợp, dựa trên bằng chứng và hướng tới kết quả thực chất. Trên cơ sở phân tích đặc thù của chính sách dân tộc, nội dung và phương thức giám sát của Quốc hội, bài viết đánh giá thực trạng hoạt động giám sát; đồng thời, đề xuất đổi mới nội dung và phương thức giám sát nhằm góp phần nâng cao tính thực chất, khả năng phát hiện điểm nghẽn và hiệu quả tác động của hoạt động giám sát đối với việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam.

Từ khóa: Giám sát của Quốc hội; chính sách dân tộc; Hội đồng Dân tộc; giám sát dựa trên kết quả; trách nhiệm giải trình.

National Assembly oversight of ethnic policy implementation is an important aspect of controlling state power, ensuring accountability, and enhancing the effectiveness of public policy implementation. Given its multi-objective, intersectoral, and interregional nature, broad scope of impact, and direct relevance to the lives of ethnic minorities, oversight in this field requires an appropriate, evidence-based, and results-oriented approach. Based on an analysis of the specific characteristics of ethnic policy and the content and methods of National Assembly oversight, this article assesses the current state of oversight activities. It proposes innovations in content and methods of oversight to enhance their substantive effectiveness, capacity to identify bottlenecks, and strengthen the impact of oversight on ethnic policy implementation in Vietnam.

Keywords: National Assembly oversight; ethnic policy; Ethnic Council; results-based oversight; accountability.

NGÀY NHẬN: 12/7/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 10/8/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/8/2026

Email: audiminhnhat@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.368.2026.1607>

1. Đặt vấn đề

Chính sách dân tộc là bộ phận đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước, thể hiện quan điểm nhất quán về bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp

nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Điều 5 Hiến pháp năm 2013 xác lập nền tảng hiến định cho chính sách này, theo đó, Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và

* ThS, Văn phòng Quốc hội

tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

Yêu cầu giám sát chính sách dân tộc trở nên cấp thiết hơn khi Quốc hội đã quyết định những chủ trương lớn về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 với tổng mức vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tối thiểu là 137.664 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đây là địa bàn rộng, điều kiện phát triển không đồng đều, nhiều chính sách cùng tác động đến một cộng đồng, trong khi thẩm quyền quản lý, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện lại phân tán ở nhiều bộ, ngành, cấp chính quyền và chương trình mục tiêu quốc gia. Ngoài ra, đây là vùng phải đối mặt với rủi ro thiên tai, sinh kế thiếu ổn định, chênh lệch phát triển, hạn chế về chất lượng dịch vụ xã hội và một số vấn đề an ninh, trật tự (Ủy ban Dân tộc, 2025). Điều này cho thấy, giám sát chính sách dân tộc không thể dừng ở xem xét văn bản, báo cáo tiến độ hoặc kiểm tra tuân thủ hành chính.

Từ năm 2023, Quốc hội khóa XV lần đầu tiên giám sát đồng thời ba Chương trình mục tiêu quốc gia cho thấy, phương thức giám sát đã bắt đầu chuyển từ ghi nhận kết quả sang tháo gỡ điểm nghẽn, kiểm chứng thông tin và theo dõi trách nhiệm thực hiện (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023a).

2. Khái quát về chính sách dân tộc, nội dung và phương thức giám sát của Quốc hội đối với việc thực hiện chính sách dân tộc

Chính sách dân tộc có thể được hiểu là hệ thống quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và công cụ của Đảng, Nhà nước nhằm bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; đồng thời, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số phát huy nội lực, tiếp cận bình đẳng các cơ hội phát triển và tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa -

xã hội của đất nước. Xét từ góc độ quản lý công, chính sách dân tộc là một lĩnh vực chính sách đặc thù, đó là chính sách nằm ở mục tiêu đa tầng, liên ngành, đối tượng thụ hưởng không đồng nhất; tác động thường có độ trễ.

Từ đặc thù đó, giám sát của Quốc hội đối với việc thực hiện chính sách dân tộc trước hết xuất phát từ vị trí, chức năng hiến định của Quốc hội. Khi Quốc hội quyết định chủ trương, mục tiêu, nguồn lực lớn cho chính sách dân tộc, Quốc hội phải theo dõi việc tổ chức thực hiện các quyết định đó. Vì vậy, giám sát là khâu bảo đảm tính liên tục của quyền lực Quốc hội: từ quyết định chính sách đến kiểm tra, đánh giá, yêu cầu giải trình và thúc đẩy thực hiện trong thực tiễn. Do đó, có thể khái quát năm nhóm nội dung chủ yếu:

Một là, giám sát việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, quy định của *Hiến pháp*, luật và nghị quyết của Quốc hội về chính sách dân tộc. Thực tiễn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia cho thấy, việc ban hành, điều chỉnh, hướng dẫn cơ chế, chính sách là khâu có khối lượng lớn, liên quan nhiều cơ quan trung ương và địa phương, đòi hỏi giám sát thường xuyên để phát hiện khoảng trống, chồng chéo hoặc chậm trễ (Ủy ban Dân tộc, 2024a).

Hai là, giám sát việc xác định đối tượng, địa bàn, phạm vi thụ hưởng và bảo đảm công bằng chính sách. Chính sách dân tộc không tác động đến một cộng đồng đồng nhất mà liên quan đến các nhóm dân cư, địa bàn, điều kiện cư trú và đặc điểm văn hóa rất khác nhau. Do đó, giám sát chú ý đến thôn đặc biệt khó khăn; nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; hộ nghèo, hộ cận nghèo; phụ nữ, trẻ em, người có uy tín, cán bộ người dân tộc thiểu số. Nếu không kiểm soát tốt khâu này, chính sách có thể đúng về mục tiêu nhưng sai về điểm đến.

Ba là, giám sát việc phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực và sự phối hợp liên ngành,

liên vùng trong thực hiện chính sách. Với quy mô nguồn lực lớn của Chương trình mục tiêu quốc gia, giám sát phải làm rõ việc phân bổ vốn có bám sát mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí, định mức và mức độ khó khăn của địa bàn; có tình trạng dân trải, chậm giải ngân, thiếu nguồn lực cho nội dung cấp thiết hoặc dự án chưa phát huy hiệu quả sau đầu tư hay không.

Bốn là, giám sát kết quả, tác động và mức độ tham gia của cộng đồng thụ hưởng. Đây là nội dung trung tâm của yêu cầu đổi mới. Giám sát không thể chỉ ghi nhận số văn bản đã ban hành, số vốn đã bố trí, số công trình đã hoàn thành mà phải đánh giá chính sách đã tạo ra thay đổi gì về giảm nghèo bền vững, sinh kế, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, giáo dục, y tế, thông tin, văn hóa, bình đẳng giới, chất lượng nguồn nhân lực, quốc phòng, an ninh và năng lực tự phát triển của cộng đồng. Đồng bào dân tộc thiểu số phải là chủ thể tham gia xác định nhu cầu, lựa chọn công trình, kiểm tra, giám sát và phản hồi hiệu quả chính sách.

Năm là, giám sát trách nhiệm giải trình và việc thực hiện kết luận, nghị quyết, kiến nghị sau giám sát. Trong thực hiện chính sách dân tộc, trách nhiệm không chỉ thuộc về Chính phủ hoặc cơ quan chủ quản chương trình mà còn thuộc về từng bộ quản lý ngành, từng cấp chính quyền địa phương, từng cơ quan tham mưu, phân bổ, hướng dẫn, kiểm tra. Theo phụ lục tổng hợp kiến nghị, đề xuất của năm 2024 (đến ngày 24/12/2024), các địa phương, bộ, ngành gửi báo cáo có tổng cộng 82 kiến nghị, nhiều kiến nghị liên quan đến sửa đổi cơ chế thực hiện chương trình, hướng dẫn dự án, số hóa chế độ thông tin báo cáo và công cụ kiểm tra, giám sát, đánh giá (Ủy ban Dân tộc, 2024b). Số liệu này cho thấy, hậu giám sát phải trở thành nội dung độc lập: kiến nghị nào đã thực hiện, kiến nghị nào chậm, nguyên nhân là gì, cơ quan nào chịu trách nhiệm và có cần tái giám sát hay không.

Về phương thức, giám sát của Quốc hội đối với việc thực hiện chính sách dân tộc được

thực hiện thông qua nhiều hình thức: xem xét báo cáo; giám sát chuyên đề; chất vấn và trả lời chất vấn; phiên giải trình tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; giám sát văn bản quy phạm pháp luật; khảo sát thực địa; tiếp xúc cử tri, tiếp công dân; theo dõi, đôn đốc, tái giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát. Điều 5 Nghị quyết số 71/2025/UBTVQH15 ngày 18/2/2025 quy định vai trò chuyên sâu của Hội đồng Dân tộc trong hệ thống các chủ thể giám sát của Quốc hội.

Đối với chính sách dân tộc, xem xét báo cáo phải đi cùng thẩm tra và đối chiếu dữ liệu; giám sát chuyên đề phải gắn với khảo sát thực địa; chất vấn, giải trình phải làm rõ trách nhiệm và thời hạn khắc phục; giám sát văn bản phải đánh giá cả tính hợp pháp, tính đồng bộ và tính khả thi; hậu giám sát phải theo dõi đến cùng việc thực hiện kiến nghị. Khi phương thức giám sát được tổ chức như một chu trình thống nhất, nội dung giám sát mới có thể chuyển từ tuân thủ sang kết quả, từ báo cáo sang bằng chứng, từ kiến nghị chung sang trách nhiệm giải trình cụ thể.

3. Thực trạng nội dung và phương thức giám sát của Quốc hội đối với thực hiện chính sách dân tộc

Trước hết, nội dung giám sát ngày càng bao quát hơn, đã từng bước mở rộng sang đánh giá mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực và kết quả chính sách. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các cơ quan của Quốc hội đã quan tâm nhiều hơn đến phân bổ, giải ngân vốn, ban hành văn bản hướng dẫn, điều chỉnh cơ chế, xác định đối tượng thụ hưởng, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, giải quyết khó khăn về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, sinh kế, giáo dục, y tế, văn hóa, bình đẳng giới và an ninh trật tự.

Bên cạnh xem xét báo cáo, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội đã tăng cường giám sát chuyên đề, chất vấn, giải trình, khảo

sát thực địa, tham vấn chuyên gia, giám sát văn bản quy phạm pháp luật, giám sát việc giải quyết kiến nghị cử tri, tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo. Báo cáo tóm tắt hoạt động giám sát năm 2023 cho biết, các đoàn giám sát đã khảo sát, làm việc trực tiếp với nhiều địa phương; đồng thời, tổ chức tọa đàm, hội nghị tham vấn chuyên gia (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023). Đây là chuyển biến đáng chú ý, bởi chính sách dân tộc là lĩnh vực mà báo cáo hành chính nếu không được kiểm chứng bằng thực địa, dữ liệu ngân sách, phản ánh của người dân và phân tích chuyên gia thì khó đánh giá đúng tác động.

Vai trò của Hội đồng Dân tộc cũng được khẳng định rõ hơn. Báo cáo tổng kết công tác của Hội đồng Dân tộc nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Hội đồng Dân tộc khóa XV gồm 45 thành viên là đại biểu Quốc hội, đại diện của 24/30 dân tộc tham gia Quốc hội, trong đó đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số có 39 người, chiếm 86,7% (Hội đồng Dân tộc, 2025). Với cơ cấu đại diện này, Hội đồng Dân tộc có lợi thế chính trị - xã hội đặc thù trong nắm bắt tình hình vùng dân tộc, phản ánh tiếng nói của đồng bào và tham gia giám sát các vấn đề liên quan đến chính sách dân tộc.

Trên cơ sở kiến nghị của Đoàn giám sát Quốc hội và ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương đã rà soát, sửa đổi, bổ sung nhiều cơ chế, chính sách; đồng thời, kiến nghị giải pháp về kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, điều chỉnh phân bổ vốn, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành và xây dựng hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023a). Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế:

Một là, nội dung giám sát có lúc còn rộng, dàn trải, chưa tập trung vào các vấn đề có tính điểm nghẽn và tác động dài hạn, như: hiệu quả sinh kế, chất lượng nguồn nhân lực, tính bền vững của giảm nghèo,

khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, bảo tồn văn hóa và năng lực tự phát triển của cộng đồng. Tại nhiều địa phương, địa bàn rộng, giao thông khó khăn, hạ tầng thiếu đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số còn cao, sinh kế chưa bền vững, một số chính sách và mức hỗ trợ chưa phù hợp thực tiễn (Ủy ban Dân tộc, 2024c).

Hai là, nội dung và phương thức giám sát vẫn còn thiên về tiến độ, đầu việc, văn bản, nguồn lực đầu vào; chưa chuyển mạnh sang giám sát kết quả, tác động và công bằng chính sách. Nếu chỉ dừng ở tỷ lệ giải ngân, số công trình, số mô hình, rất khó trả lời câu hỏi chính sách đã tạo ra thay đổi gì trong đời sống đồng bào, nhất là đối với từng nhóm dân tộc, từng nhóm yếu thế, từng vùng có điều kiện rất khác nhau.

Ba là, hệ thống tiêu chí, dữ liệu và công cụ phục vụ giám sát chưa hoàn thiện. Chưa hình thành đầy đủ khung kết quả và bộ tiêu chí có tính ổn định, thống nhất, đủ khả năng đo lường; dữ liệu phục vụ giám sát còn phân tán, chưa liên thông đầy đủ giữa các cơ quan. Vì vậy, hoạt động giám sát vẫn dễ phụ thuộc vào báo cáo của cơ quan chịu giám sát, chưa tạo được thước đo độc lập để đánh giá tính đúng đối tượng, hiệu quả đầu ra, tác động đời sống và mức độ thực hiện kiến nghị sau giám sát.

Bốn là, phương thức thu thập, kiểm chứng thông tin và sự tham gia của các chủ thể xã hội chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Một số địa phương đã phản ánh chế độ thông tin, báo cáo của cơ quan thực hiện công tác dân tộc cấp cơ sở chưa bảo đảm kịp thời, ảnh hưởng đến công tác cập nhật thông tin và nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Ủy ban Dân tộc, 2024).

Năm là, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể giám sát và cơ chế hậu giám sát vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Chính sách dân tộc là lĩnh vực liên ngành, trong khi hoạt động giám sát được thực hiện bởi nhiều chủ thể. Nếu thiếu

cơ chế điều hòa, chia sẻ thông tin và phân công rõ, dễ phát sinh trùng lặp nội dung giám sát hoặc khó tổng hợp kết quả. Đồng thời, việc theo dõi kiến nghị sau giám sát chưa phải lúc nào cũng tạo được áp lực thực thi đến cùng.

4. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, đổi mới cách tiếp cận nội dung giám sát theo hướng toàn diện, tích hợp và dựa trên kết quả. Giám sát chính sách dân tộc không nên bị chia cắt thành từng mảng rời rạc, như: hạ tầng, giảm nghèo, giáo dục, y tế, văn hóa, an ninh mà phải xem xét các mảng đó trong một chỉnh thể phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cách tiếp cận dựa trên kết quả đòi hỏi giám sát phải đi xa hơn số vốn đã bố trí, số công trình đã xây dựng, số lớp tập huấn đã tổ chức. Điều cần đo lường là chất lượng sống, năng lực tự phát triển, mức độ giảm nghèo bền vững, khả năng chống chịu rủi ro và khoảng cách phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số với bình quân chung.

Thứ hai, xây dựng khung kết quả và bộ tiêu chí giám sát chính sách dân tộc. Theo đó, cần được thiết kế theo logic của chu trình chính sách công: mục tiêu chính sách, nguồn lực đầu vào, hoạt động thực hiện, sản phẩm đầu ra, kết quả trung gian và tác động dài hạn. Bộ tiêu chí phải bao quát tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp chủ trương của Đảng; đúng đối tượng, đúng địa bàn; công bằng trong thụ hưởng; phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực; hiệu quả đầu ra; tác động đến sinh kế, giáo dục, y tế, văn hóa, bình đẳng giới, quốc phòng - an ninh; mức độ tham gia của cộng đồng; trách nhiệm giải trình và hậu giám sát. Có bộ tiêu chí, Quốc hội mới có căn cứ để chọn chuyên đề, xây dựng đề cương, tổ chức khảo sát, chất vấn, giải trình và theo dõi sau giám sát.

Thứ ba, tăng cường giám sát chuyên đề, giám sát theo vùng và theo nhóm dân tộc đặc thù. Cần ưu tiên các chuyên đề có nhiều

wướng mắc, nhiều kiến nghị, tác động lớn hoặc chậm chuyển biến, như: hỗ trợ sinh kế và giảm nghèo bền vững; đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; giáo dục, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực; y tế cơ sở; bảo tồn văn hóa gắn với sinh kế; chính sách đối với người có uy tín; tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; di cư tự do; an ninh trật tự và quản lý đất rừng. Giám sát càng hẹp và sâu thì kiến nghị càng có khả năng xác định đúng nguyên nhân, đúng trách nhiệm, đúng giải pháp.

Cùng với đó, cần phát triển giám sát theo vùng và theo nhóm dân tộc đặc thù. Các vùng, như: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, duyên hải miền Trung, vùng biên giới, vùng tái định cư thủy điện, vùng chịu tác động mạnh của thiên tai hoặc di cư tự do đều có cấu trúc vấn đề khác nhau. Vì vậy, cần thiết lập các điểm giám sát đại diện và hồ sơ theo dõi dài hạn đối với một số vùng, nhóm dân tộc đặc thù.

Thứ tư, đổi mới phương thức thu thập, xử lý và phân tích thông tin giám sát trên nền tảng dữ liệu số gắn với kiểm chứng thực địa. Đổi mới giám sát chính sách dân tộc vì vậy phải gắn chặt với đổi mới khâu tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả. Từ góc độ giám sát của Quốc hội, định hướng này đòi hỏi việc giám sát chính sách dân tộc phải có bộ tiêu chí rõ, dữ liệu phân tổ theo địa bàn, nhóm dân tộc, giới, độ tuổi, mức thu nhập và phải được kiểm chứng bằng khảo sát thực địa, đối thoại với cộng đồng thụ hưởng.

Cần kết nối và chuẩn hóa các nguồn dữ liệu về dân cư, hộ nghèo, địa bàn đặc biệt khó khăn, người thụ hưởng, giải ngân vốn, tiến độ dự án, kết quả đầu ra, kiến nghị cử tri, khiếu nại, tố cáo, kết quả kiểm toán, thanh tra và phản ánh của cộng đồng. Đồng thời, dữ liệu phải được phân tổ theo dân tộc, giới, độ tuổi, địa bàn, mức thu nhập, nhóm yếu thế và loại hình hỗ trợ.

Tuy nhiên, dữ liệu số không thay thế thực địa. Nhiều vấn đề, như: mức độ phù hợp của

công trình, hiệu quả mô hình sinh kế, khả năng tiếp cận chính sách của phụ nữ, trẻ em, người nghèo, sự phù hợp văn hóa, niềm tin của người dân hoặc vai trò người có uy tín không thể đo đầy đủ bằng số liệu hành chính. Vì vậy, mỗi cuộc khảo sát phải có câu hỏi giám sát, tiêu chí chọn mẫu, nhóm đối tượng phỏng vấn, nội dung đối chiếu giữa báo cáo và thực tế, phương pháp xử lý kết quả sau khảo sát.

Thứ năm, hoàn thiện quy trình giám sát từ lựa chọn chuyên đề, triển khai giám sát đến kết luận và hậu giám sát. Quy trình giám sát đó phải là một chu trình khép kín: lựa chọn vấn đề dựa trên bằng chứng; chuẩn bị dữ liệu nền; xác định câu hỏi giám sát; khảo sát, chất vấn, giải trình có trọng tâm; kết luận rõ phát hiện, nguyên nhân, trách nhiệm; kiến nghị có thời hạn và sản phẩm đầu ra; hậu giám sát có theo dõi, đánh giá, công khai ở mức phù hợp và tái giám sát khi cần. Mỗi kiến nghị phải có cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn hoàn thành, sản phẩm và cơ chế kiểm chứng. Kiến nghị càng rõ thì trách nhiệm càng khó bị hòa tan.

Thứ sáu, tăng cường phối hợp, phân công và liên thông giữa các chủ thể giám sát, gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan chịu giám sát. Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần phát huy vai trò điều hòa, phân công, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót vấn đề. Hội đồng Dân tộc cần giữ vai trò đầu mối chuyên sâu về chính sách dân tộc; các Ủy ban của Quốc hội tham gia theo lĩnh vực chuyên môn; Đoàn đại biểu Quốc hội địa phương là kênh nắm bắt và kiểm chứng thực tiễn cơ sở; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người có uy tín, chuyên gia, nhà khoa học và cộng đồng thụ hưởng là nguồn thông tin xã hội không thể thiếu.

Chính phủ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ quản lý ngành, địa phương và cơ quan chủ trì dự án cần báo cáo theo cấu trúc rõ mục tiêu được giao, kết quả thực hiện, nguồn lực đã sử dụng, khó khăn, nguyên

nhân, trách nhiệm, kiến nghị và kế hoạch khắc phục. Trách nhiệm giải trình cần làm rõ vấn đề, nhận diện nguyên nhân, cam kết giải pháp và chịu sự theo dõi sau giám sát. Chỉ khi phối hợp giữa các chủ thể giám sát được nối với trách nhiệm giải trình của cơ quan chịu giám sát, hoạt động giám sát mới có khả năng tạo áp lực thực thi đến cùng. □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). *Báo cáo số 9458/BC-BKHĐT ngày 10/11/2023 về việc bổ sung giải trình kiến nghị của Đoàn giám sát Quốc hội và ý kiến của các đại biểu Quốc hội về kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Hội đồng Dân tộc (2025). *Báo cáo tổng kết công tác của Hội đồng Dân tộc nhiệm kỳ 2021-2026, Quốc hội khóa XV, ngày 02/10/2025*.
- Ủy ban Dân tộc (2024a). *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, năm 2024, tài liệu phục vụ Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác dân tộc năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025*.
- Ủy ban Dân tộc (2024b). *Phụ lục số 05: Bảng tổng hợp nội dung khó khăn, vướng mắc, tồn tại của các bộ, ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, kèm theo Báo cáo của Ủy ban Dân tộc tháng 12/2024*.
- Ủy ban Dân tộc (2024c). *Phụ lục số 06.1: Tổng hợp nội dung kiến nghị, đề xuất của các tỉnh/thành phố và bộ, ngành, kèm theo Báo cáo của Ủy ban Dân tộc tháng 12/2024*.
- Ủy ban Dân tộc (2025). *Báo cáo số 139/BC-UBDT ngày 24/01/2025 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023). *Báo cáo tóm tắt đánh giá kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2023 và triển khai chương trình giám sát năm 2024, ngày 16/11/2023*.